

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13/2020/DS-ST**

Ngày: 08 - 5 - 2020.

V/v: “**Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản**”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Rạch Giá.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm
2020 về “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
16/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị Bạch N**, sinh năm 1948 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Lô 3 Căn 13 Hẻm 711 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên
Giang.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: **Ông Dương Tấn L** –
Luật sư Văn phòng luật sư Dương Tấn L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (*Có
mặt*)

2. Bị đơn: **Bà Tô Mỹ T**, sinh năm 1971 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 319 đường T1, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi
Thị Bạch N trình bày:**

Vào khoảng tháng 10 năm 2017, bà Tô Mỹ T có mượn tiền của bà N để cho
người khác vay lại. Khi đó bà T và con trai bà N có quan hệ tình cảm với nhau nên bà
tin tưởng và đưa tiền cho bà T nhiều lần, số tiền lãi tới tháng bà T sẽ đóng cho bà để

sinh sống. Sau nhiều lần mượn tiền từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2018, tổng số tiền gốc bà Tô Mỹ T mượn của bà là 1.898.500.000 đồng, phần tiền lãi bà T đưa cho bà được một thời gian thì ngưng không đóng lãi nữa, do đó bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T đóng lãi và trả lại tiền gốc nhưng bà T không thực hiện, sau đó bà N yêu cầu chốt lại nợ thì bà T đã viết biên nhận ngày 24/12/2018 xác nhận còn nợ bà số tiền 1.898.500.000 đồng và hứa trả mỗi tháng 30.000.000 đồng nhưng bà T cũng không thực hiện mà cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác, đến nay bà T cố tình tránh mặt và không trả tiền cho bà.

Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền nợ gốc **1.898.500.000 đồng** (*Một tỷ tám trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất tạm tính từ Ny 24/12/2018 đến ngày khởi kiện là 283.635.900 đồng (*Hai trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng*); tổng cộng là **2.186.844.256 đồng** (*Hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng*).

Bà N xác định khi đưa tiền cho bà T mượn thì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và có đóng lãi, còn việc bà T lấy tiền của bà cho người khác vay lại và lấy lãi suất như thế nào là việc của bà T, bà hoàn toàn không biết; đồng thời bà N xác định số tiền cho vay là tài sản của cá nhân bà, không liên quan đến người nào khác và bà chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà T chịu trách nhiệm trả tiền vay cho bà, không yêu cầu trách nhiệm của người nào khác.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tô Mỹ T trình bày:**

Bà T thừa nhận còn nợ bà Bùi Thị Bạch N số tiền là 1.898.500.000 đồng theo biên nhận do bà viết ngày 24/12/2018. Do trước đây bà và con trai bà N có quan hệ tình cảm nên bà N đưa tiền cho bà đem cho người khác vay lại lấy lãi đưa cho bà N, tiền lãi người vay đóng bà cũng gom lại đưa cho hết bà N, bản thân bà không có hưởng lợi gì từ việc cho vay này, do những người vay tiền không trả nên bà không có tiền trả lại cho bà N.

Nay bà N khởi kiện bà T thừa nhận chịu trách nhiệm trả số tiền 1.898.500.000 đồng cho bà N, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn bà phải nuôi mẹ già bị bệnh nên không có khả năng trả hết một lần cho bà N; tại phiên hòa giải bà T xin được trả dần số tiền trên, cụ thể: đến ngày 26/02/2021 bà sẽ trả một lần số tiền 36.000.000 đồng (tương đương mỗi tháng trả 3.000.000 đồng); tiếp sau đó mỗi tháng bà sẽ trả cho bà N 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ; riêng về yêu cầu tính lãi suất bà xác định tiền lãi trước đây người vay đóng với lãi suất cao bà đều đưa lại hết cho bà N, nên bà không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà N.

Bà T xác định việc mượn tiền là do cá nhân bà giao dịch với bà N không liên quan đến người khác, mục đích nhận tiền là để cho người khác vay lại lấy lời cho bà

N, trách nhiệm trả lại số tiền trên cho bà N là của cá nhân bà, không liên quan đến người nào khác.

*** Tại phiên tòa:**

- Luật sư Dương Tấn L được bà N yêu cầu đại diện bà N bổ sung phần trình bày của bà và đã được bà N xác nhận lại, cụ thể như sau:

Số tiền bà N đưa cho bà T là tiền cho vay không thỏa thuận thời hạn trả và có lãi suất nhưng do đã lớn tuổi và thời gian đã lâu nên bà N không nhớ được lãi suất cụ thể và tiền lãi đã nhận là bao nhiêu, chỉ đến khi bà T ngưng đóng lãi thì hai bên mới cùng chốt lại số tiền nợ gốc bà T còn nợ bà N tính đến ngày bà T viết biên nhận ngày 24/12/2018 là **1.898.500.000 đồng**, từ ngày viết biên nhận nợ đến nay bà T không đóng thêm lãi và cũng không trả được nợ gốc.

Về yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi suất: Tại đơn khởi kiện bà N chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày bà T viết biên nhận (ngày 24/12/2018) đến ngày khởi kiện (ngày 01/10/2019) thống nhất tính tròn là 09 tháng, mức lãi suất yêu cầu là 20%/năm (1,66%/tháng), nên số tiền lãi bà N yêu cầu bà T trả là 283.635.900 đồng; tuy nhiên quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà N đã xác định lại chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày bà T viết biên nhận (ngày 24/12/2018) đến ngày khởi kiện (ngày 01/10/2019) thống nhất tính tròn là 09 tháng.

Do đó, bà N yêu cầu bà Tô Mỹ T chịu trách nhiệm trả cho bà một lần đủ số tiền vay gốc **1.898.500.000 đồng** và tiền lãi theo quy định pháp luật, không đồng ý cho bà T trả dần và không đồng ý bỏ lãi.

- Bà Bùi Thị Bạch N thống nhất với nội dung bổ sung do Luật sư L đại diện bà trình bày tại phiên tòa.

- Bà Tô Mỹ T xác định tiền bà N đưa cho bà không thỏa thuận thời hạn trả và khi cho người khác vay lại bà đều lấy lãi đưa cho bà N; số tiền 1.898.500.000 đồng bà ghi trong biên nhận ngày 24/12/2018 bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi nhưng bà không xác định được trong đó nợ gốc và nợ lãi cụ thể là bao nhiêu; đồng thời bà T cũng xác định tài liệu bà cung cấp tại phiên tòa gồm 08 giấy ghi chép theo dõi việc trả tiền cho bà N, các tài liệu giao nộp này là do bà tự liệt kê lại theo nội dung trong sổ theo dõi trả nợ của bà đang giữ và xác định đó là sổ tự theo dõi, không có đối chiếu xác nhận của bà N. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, bà T xác định đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 1.898.500.000 đồng cho bà N nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ; không đồng ý trả lãi vì số tiền bà nhận nợ với bà N đã bao gồm nợ lãi.

*** Luật sư Dương Tấn L trình bày quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:**

Bà Tô Mỹ T đã thừa nhận việc còn nợ bà N số tiền 1.898.500.000 đồng là có thật, bà T cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận nợ ngày 24/12/2018 là đúng; đồng thời bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền trên bao gồm nợ gốc và nợ lãi, bản thân bà T cũng không xác định được cụ thể nợ gốc, nợ lãi là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh tiền lãi đã đóng cho bà N là bao nhiêu, tài liệu bà T giao nộp tại phiên tòa chỉ là bản liệt kê lại của bà T sao chép ra từ sổ tự theo dõi của cá nhân bà T hoàn toàn không có đối chiếu xác nhận nợ của bà N và bà N hoàn toàn không thừa nhận việc này. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh yêu cầu của bà N là có căn cứ, lời trình bày của bà T không có chứng cứ chứng minh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T phải trả cho bà N một lần đủ số tiền vay gốc là **1.898.500.000 đồng** và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày lập biên nhận nợ (ngày 24/12/2018) cho đến ngày khởi kiện là ngày 01/10/2019, tính tròn là 09 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Bạch N khởi kiện đối với bị đơn bà Tô Mỹ T; địa chỉ cư trú tại: Số 319 đường T1, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; yêu cầu trả số tiền vay còn nợ lại là **1.898.500.000 đồng** (*Một tỷ tám trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn và quan điểm của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất về việc bà Tô Mỹ T còn nợ bà Bùi Thị Bạch N số tiền **1.898.500.000 đồng** theo biên nhận nợ do bà T viết đề ngày 24/12/2018. Số tiền này, theo bà N trình bày là tiền bà N cho bà T vay nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018, mục đích bà T vay tiền để cho người khác vay lại; khi cho vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng có thỏa thuận hàng tháng bà T sẽ trả tiền lãi cho bà N nhưng không nhớ mức lãi suất cụ thể và số tiền lãi đã nhận là bao nhiêu; việc bà T cho người khác vay lại với lãi suất bao nhiêu bà N không biết và không liên quan. Do nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền gốc và tiền lãi nhưng bà T không trả được nên ngày 24/12/2018 hai bên đã chốt lại số tiền nợ gốc bà T còn nợ bà N là **1.898.500.000**

đồng, đồng thời bà T hứa mỗi tháng trả 30.000.000 đồng nhưng cũng không thực hiện. Phía bà T trình bày tại phiên tòa cho rằng, số tiền **1.898.500.000 đồng** là tiền bà N đưa cho bà nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018 để bà cho vay lại lấy lãi cho bà N, tiền lãi người vay đóng bà T đã gom lại đưa cho bà N hết, bản thân bà không hưởng lợi gì từ việc cho vay này, do những người vay tiền không trả nên bà không có tiền trả lại cho bà N; bà T thừa nhận còn nợ bà N số tiền 1.898.500.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi vì trước đó người vay trả lãi với lãi suất cao bà đều đã đưa cho bà N; đồng thời số tiền này bao gồm cả tiền gốc và lãi nhưng bà không cung cấp được chứng cứ cụ thể xác định số tiền gốc và tiền lãi là bao nhiêu. Ngoài ra, cả bà N và bà T đều xác nhận những lần bà N đưa tiền cho bà T hai bên đều không thỏa thuận thời hạn trả và có thỏa thuận lãi nhưng không xác định được mức lãi suất và số tiền lãi bà T đã trả cho bà N là bao nhiêu. Trên cơ sở sự thừa nhận của các bên và căn cứ biên nhận nợ ngày 24/12/2018 đã được bà T xác nhận đúng chữ ký của bà T, có cơ sở khẳng định giữa bà N và bà T đã phát sinh giao dịch vay tài sản và số tiền bà T còn nợ lại bà N là 1.898.500.000 đồng là có thật, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tình tiết này không phải chứng minh. Đối với lời trình bày của bà T cho rằng số tiền 1.898.500.000 đồng nêu trên bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh và không được bà N thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét hợp đồng vay tài sản được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, nhưng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay; do đó căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay 1.898.500.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 1.898.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”. Đồng thời, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*” (tức là 10%/năm).

Xét các tài liệu bà T giao nộp tại phiên tòa được bà T xác nhận là do bà tự liệt kê ghi lại theo nội dung trong sổ theo dõi việc trả nợ của bà lưu giữ và xác định đó là sổ tự theo dõi, không có đối chiếu xác nhận của bà N. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì bà T không cung cấp được

chứng cứ nào khác chứng minh về việc đã trả lãi cho bà N và không được bà N thừa nhận nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Do hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mức lãi suất được xác định là 10%/năm; theo đó tiền lãi của số tiền 1.898.500.000 đồng tính từ ngày 24/12/2018 đến ngày 01/10/2019 (nguyên đơn tự nguyện tính tròn 09 tháng) được tính như sau: $1.898.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = (189.850.000 \text{ đồng} : 12 \text{ tháng}) \times 09 \text{ tháng} = 142.387.500 \text{ đồng}$. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N về việc tính lãi là phù hợp pháp luật; đồng thời tại phiên tòa, bà N xác định giữ nguyên yêu cầu này, không đồng ý bỏ lãi cho bà T, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà T xin trả dần số tiền 1.898.500.000 đồng cho bà N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa bà N xác định không đồng ý cho bà T trả dần nợ vay, không đồng ý bỏ lãi; yêu cầu bà T trả đủ một lần số tiền vay gốc và lãi theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu xin trả dần của bà T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và không được bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận; trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự có quyền yêu cầu tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá để được xem xét theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm của luật sư L và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bạch N, buộc bà Tô Mỹ T trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 1.898.500.000 đồng và tiền lãi là 142.387.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 2.040.887.500 đồng (*Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Bạch N, sinh năm 1948 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Chương I Luật người cao tuổi năm 2009; do đó bà N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ný 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Tô Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền 2.040.887.500 đồng là: $[72.000.000 \text{ đồng} + (40.887.500 \text{ đồng} \times 2\%)] = 72.817.750 \text{ đồng}$ (*Bảy mươi hai triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ný 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bạch N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Tô Mỹ T.

Buộc bà Tô Mỹ T trả cho bà Bùi Thị Bạch N số tiền nợ gốc 1.898.500.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/12/2018 đến ngày 01/10/2019 là 142.387.500 đồng; tổng cộng gốc và lãi là **2.040.887.500 đồng** (*Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho bà N khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Tô Mỹ T phải nộp án phí giá ngạch là 72.817.750 đồng (*Bảy mươi hai triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ný kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ

Chung Kim Sang

Huỳnh Kim Yển